

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						554 041	75 941	478 100			
I		CẢNG CHÍNH						86 773	8 903	77 870			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>7 895</i>	<i>7 729</i>	<i>166</i>			
1		ĐẠM NINH BÌNH	13/9	569/9	23/9	NB 8595	CÁM 4A.1	3 045	3 001	44	16/9	HỘ LỚN	
2		XNK THAN	13/9	2338/9	23/9	VIỆT THUẬN 03-01	CÁM 5A.1	3 150	3 038	112	16/9	PTCB	
3		CP TTC	15/9	2357/9	22/9	HN 2534	CỤC 4A.1	1 700	1 691	9	16/9	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>4 800</i>	<i>1 174</i>	<i>3 626</i>			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	16/9	2360/9	26/9	MINH TÂN 18	CÁM 5A.1	3 700	632	3 068	RÓT DỖ	PTCB	
2		VẬN TẢI THỦY	10/9	2296/9	17/9	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 100	542	558	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>74 078</i>		<i>74 078</i>			
1		DIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		NHÓM LÂM ĐÔNG	14/9	2346/9	24/9	VIỆT THUẬN 12-05	CÁM 5A.1	6 500		6 500		HỘ LỚN	
3		NHÓM ĐẮK NÔNG	14/9	2345/9	24/9	VIỆT THUẬN 12-05	CÁM 5A.1	6 500		6 500		HỘ LỚN	
4		XNK THAN	15/9	2351/9	22/9	HẢI ĐĂNG 68	CÁM 6A.1	5 800		5 800		PTCB	
5		KDT HẢI PHÒNG	16/9	2361/9	26/9	BN 2329	CÁM 6B.1	1 500		1 500		PTCB	
6		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	16/9	2364/9	26/9	HẢI NAM 189	CÁM 5A.1	4 000		4 000		PTCB	
7		TRƯỜNG ANH 888	14/9	2184/9	21/9	BN 2005	CÁM 4B.1	1 542		1 542		TD	GIA HẠN L2
8		VẬN TẢI THỦY	13/9	2144/8	20/9	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L3
9		DVVT QUẢNG NINH	14/9	2142/8	21/9	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L2
10		DVVT QUẢNG NINH	14/9	2221/8	21/9	HN 2402	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L2
11		TRƯỜNG ANH 888	16/9	2275/9	23/9	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
12		VT & KDT	8/9	2279/9	15/9	BN 2668	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
13		VẬN TẢI THỦY	13/9	2143/8	20/9	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	GIA HẠN L3
14		XNK ANH KHOA	14/9	2340/9	21/9	HP 6863	CÁM 4A.1	2 310		2 310		TD	
15		SX & TM THAN UÔNG BÍ	14/9	2347/9	21/9	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
16		ĐITM & DỊCH VỤ	14/9	2350/9	21/9	HN 2556	CÁM 4A.1	2 656		2 656		TD	Thay TBRT số 2199/8
17		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	15/9	2274B/9	22/9	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	Thay TBRT số 2274/9
18		XNK THAN	15/9	2356/9	22/9	BN 2366	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
19		SX & TM THAN UÔNG BÍ	16/9	2365/9	23/9	HP 6863	CÁM 4A.1	2 200		2 200		TD	
20		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	16/9	2363/9	23/9	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
21		TRƯỜNG ANH 888	16/9	2185/8	23/9	BN 2203	CÁM 4B.1	1 560		1 560		TD	GIA HẠN L1
	Tàu chuyển tải							95 350	41 006	54 344			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rút trong ngày							72 600	41 006	31 594			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	27/8	525B/8		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600	21 306	5 294	ĐỠ	HỘ LỚN	TTCO: 17.977 TTHG: 9.000 Thay TBRT 525/8
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	15/9	558B/9		VIỆT THUẬN 235-05	CÁM 6A.14	23 000	18 400	4 600	ĐỠ	HỘ LỚN	CLM: 12.000 TTHG: 11.000 Thay TBRT 558/9
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/9	567/9		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	1 300	21 700	ĐỠ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 3.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							22 750		22 750			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	13/9	570/9		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.14	22 750		22 750		HỘ LỚN	KDTC: 7.000 CLM: 15.750
II	KHO G9-HÓA CHẤT							72 788	9 474	63 314			
	Tàu đã làm hàng							3 436	1 942	1 494			
1		KDT MIỀN BẮC	14/9	2341/9	24/9	HP 6559	CÁM 7B	1 636	992	644	16/9	PTCB	NGUỒN CS
2		VẬN TẢI THỦY	11/9	2195/8	18/9	BN 2840	CÁM 8A	1 800	950	850	16/9	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
	Tàu dự kiến rút trong ngày							13 269	7 532	5 737			
1		KDT HÀ BẮC	13/9	2335/9	23/9	BN 2369	CÁM 7B	2 400	1 218	1 182	RÓT ĐỠ	PTCB	NGUỒN CS
2		KDT MIỀN BẮC	14/9	2342/9	24/9	HP 4910	CÁM 7C	2 155	954	1 201	RÓT ĐỠ	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
3		KDT HÀ BẮC	14/9	2343/9	24/9	BN 2555	CÁM 7B	2 950	1 422	1 528	RÓT ĐỠ	PTCB	
4		KDT HÀ BẮC	14/9	2344/9	24/9	BN 1313	CÁM 7B	1 845	981	864	RÓT ĐỠ	PTCB	NGUỒN CS
5		THAN MIỀN NAM	10/9	2297/9	17/9	TRẦN GIA 09	CÁM 8A	1 930	1 399	531	RÓT ĐỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6
6		TRƯỜNG ANH 888	12/9	2319/9	19/9	HP 4086	CÁM 8A	1 989	1 558	431	RÓT ĐỠ	TD	NGUỒN CS
	Tàu đã làm lệnh							56 083		56 083			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	6/9	2256/9	16/9	NB 8305	CÁM 7B	3 100		3 100		PTCB	
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	16/9	2362/9	26/9	VŨ ĐÌNH 08	CÁM 7B	3 350		3 350		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		TRƯỜNG ANH 888	12/9	2116/8	19/9	AN VINH 68	CẨM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN LẦN 3
4		DVVT QUẢNG NINH	11/9	2044/8	18/9	BN 2388	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN LẦN 3
5		CP VẬN TÀI THỦY	12/9	2154/8	19/9	HD 1818	CẨM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS GIÁ HẠN L2
6		DVVT QUẢNG NINH	12/9	2191/8	19/9	BN 2189	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN L2
7		XDCN MỎ	15/9	2264/9	22/9	QN 7535	CỤC ĐƠN 8C	1 150		1 150		TD	NGUỒN HL GIÁ HẠN L1
8		THÁI SƠN HP	8/9	2276/9	15/9	HN 2187	CẨM 8A	1 170		1 170		TD	NGUỒN CS
9		CBT QUẢNG NINH	8/9	2269/9	15/9	QN 9459	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		XNK THAN	9/9	2283/9	16/9	BN 0757	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
11		THAN SÔNG HỒNG	10/9	2172/8	17/9	QN 8547	CẨM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN L2
12		THÁI SƠN HP	10/9	2295/9	17/9	QN 7618	CỤC ĐƠN 8C	1 200		1 200		TD	NGUỒN HL
13		VT & KDT	11/9	2304/9	18/9	BN 1816	CỤC XỔ 1C	1 050		1 050		TD	Thay TBRT 2279/9
14		DVVT QUẢNG NINH	11/9	2303/9	18/9	BN 0959	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
15		THÁI SƠN HP	11/9	2302/9	18/9	HP 7266	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
16		THAN MIỀN TRUNG	12/9	2313/9	19/9	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-C6
17		KDT BẮC TRUNG BỘ	12/9	2312/9	19/9	NB 2952	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
18		THAN SÔNG HỒNG	12/9	2311/9	19/9	BN 1626	CẨM 8A	917		917		TD	NGUỒN ĐN-C6
19		ĐTTM & DỊCH VỤ	12/9	2310/9	19/9	HD 2225	CẨM 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-C6
20		XNK ANH KHOA	12/9	2320/9	19/9	BN 3046	CẨM 8A	1 803		1 803		TD	NGUỒN CS
21		XNK THAN	14/9	2220/8	21/9	BN 3040	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN L1
							CẨM 8A	964		964		TD	NGUỒN CS GIÁ HẠN L1
22		XNK ANH KHOA	14/9	2205/8	21/9	VP 2882	CẨM 8A	1 960		1 960		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN L2
23		ĐTTM & DỊCH VỤ	14/9	2208/8	21/9	BN 1468	CỤC XỔ 1C	1 150		1 150		TD	NGUỒN MD GIÁ HẠN L2
24		XNK ANH KHOA	14/9	2194/8	21/9	QN 8531	CẨM 8A	1 350		1 350		TD	NGUỒN CS GIÁ HẠN L2
25		SX & TM THAN UÔNG BÍ	14/9	2166/8	21/9	BN 1997	CỤC XỔ 1A	550		550		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN L2
							CỤC XỔ 1B	550		550			
26		HÀNG HẢI VIỆT NAM	14/9	2217/8	21/9	NB 8707	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIÁ HẠN L2
27		XNK VTA	15/9	2352/9	22/9	BN 2212	CẨM 8A	1 920		1 920		TD	Thay TBRT 2219/8
28		XDCN MỎ	15/9	2354/9	22/9	HD 9189	CẨM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
29		THÁI SƠN HP	15/9	2353/9	22/9	NB 6735	CẨM 8A	3 180		3 180		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
30		VT & KDT	16/9	2204/9	23/9	BN 2936	CÁM 8A	1 931		1 931		TD	NGUỒN ĐN - C6 GIA HẠN L2
31		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	16/9	2367/9	23/9	NB 8308	CÁM 8A	3 100		3 100		TD	NGUỒN CS THAY TBRT 2315/9
32		XNK ANH KHOA	16/9	2368/9	23/9	HP 5097	CỤC XỔ 1C	1 175		1 175		TD	NGUỒN KC
33		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	16/9	2369/9	23/9	BN 0719	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
34		XDCN MỎ	16/9	2366/9	23/9	QN 7877	CÁM 8A	1 966		1 966		TD	NGUỒN CS
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>4 740</u>	-	<u>4 740</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						4 740		4 740			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	12/9	566/9	22/9	TD 01-1	CÁM 5A.10	2 360		2 360		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LAI	13/9	568/9	23/9	TD 01-CHN	CÁM 5A.10	2 380		2 380		HỘ LỚN	
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>12 220</u>	<u>7 032</u>	<u>5 188</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 500	3 520	980			
1		KDT MIỀN BẮC	15/9	2358/9	25/9	THANH BÌNH 05	CÁM 6B.1	3 000	2 021	979	16/9	PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	16/9	2361/9	26/9	BN 2329	CÁM 6B.1	1 500	1 499	1	16/9	PTCB	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						5 520	3 512	2 008			
1		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	15/9	2359/9	25/9	NGHI SON 88	CÁM 5B.1	3 120	2 025	1 095	RÓT DỖ	PTCB	
2		XNK ANH KHOA	9/9	2288/9	16/9	PT 2698	CỤC XỔ 1B	1 200	561	639	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH
3		XNK VTA	14/9	2339/9	21/9	BN 0679	CỤC ĐON 8A	1 200	926	274	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						2 200		2 200			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	4/9	2192/9	11/9	BN 2009	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L1
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	4/9	1941/7	11/9	BN 2808	CỤC XỔ 1B	1 100		1 100		TD	GIA HẠN L4
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>252 000</u>	<u>9 526</u>	<u>242 474</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						72 000	9 526	62 474			
1		NHẬT BẢN	8/9	6316		MV PACIFIC ESPERANZA	CỤC 5A.1	22 000	9 526	12 474	BỐC DỖ		KVCP: 22.000
2		SINGAPORE	14/9	6433		MV RUI NINH 21	CỤC 4B.3 (1,43)	25 000		25 000			KVDB: 50.000
							CỤC 4B.3 (1,75)	25 000		25 000			
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						180 000		180 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 9 NĂM 2026

[illegible]

